TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2026/QĐST-DS	***Ninh Bình**, ngày 04 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đinh Như Y sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú thôn C, xã Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay căn 2338, toà HH1A, lô CC6, Hồ L, phường H, thành phố Hà Nội; số căn cước công dân 0370840069xx ngày cấp 01/9/2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Bị đơn:

- Anh Đỗ Mạnh H sinh năm 1972; địa chỉ thôn B, xã Y, tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân 0370720077xx ngày cấp 26/8/2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Chị Đinh Thị L sinh năm 1971; địa chỉ thôn B, xã Y, tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân 0371710108xx ngày cấp 10/5/2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Đỗ Trường G sinh năm 1997; địa chỉ thôn B, xã Y, tỉnh Ninh Bình; số căn cước 0370970076xx ngày cấp 15/10/2024 nơi cấp Bộ Công an.

- Chị Mai Thị Đ sinh năm 1999; địa chỉ thôn B, xã Y, tỉnh Ninh Bình; số căn cước 0371990077xx ngày cấp 19/11/2024 nơi cấp Bộ Công an.

- Chị Đỗ Thị Phương T sinh năm 2002; địa chỉ thôn B, xã Y, tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân 0373020019xx ngày cấp 16/8/2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Chị Đinh Thị P sinh năm 1992; địa chỉ thôn C, xã Y, tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân 0371920044xx ngày cấp 29/9/2022 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Chị Trần Thị Như Q sinh năm 1985; địa chỉ căn 2338, toà HH1A, lô CC6, Hồ L, phường H, thành phố Hà Nội; số căn cước công dân 0361850121xx ngày cấp 24/7/2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Người đại diện theo uỷ quyền của chị Q là anh Đinh Như Y sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú thôn C, xã Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay căn 2338, toà HH1A, lô CC6, Hồ L, phường H, thành phố Hà Nội (Giấy uỷ quyền ngày 31/01/2026).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai:

Anh Đinh Như Y có tài sản là 126 m^2 đất ở, số thửa 352 tờ bản đồ số 12 (nguồn gốc là thửa số 421 tờ bản đồ số 8) bản đồ địa chính thị trấn Y năm 2016; địa chỉ thửa đất tại thôn C, xã Y, tỉnh Ninh Bình với kích thước các chiều "Phía tây bắc giáp đất anh H dài 32,3 mét; Phía đông bắc giáp thửa 351 dài 3,8 mét; Phía đông nam giáp đất anh N dài 32,3 mét; Phía tây nam giáp đường 483 dài 4 mét". Gia đình anh Đỗ Mạnh H và chị Đinh Thị L có tài sản là 120 m^2 đất ở, số thửa 795 tờ bản đồ số 12 bản đồ địa chính thị trấn Y năm 2016; địa chỉ thửa đất tại thôn C, xã Y, tỉnh Ninh Bình với kích thước các chiều "Phía tây bắc giáp đường dài 20 mét; Phía đông bắc giáp thửa 793 dài 6 mét; Phía đông nam giáp thửa đất số 352 của anh Y dài 20 mét; Phía tây nam giáp đường 483 dài 6 mét". Trong quá trình sử dụng đất gia đình anh H chi L đã xây ngôi nhà kho phía trong tại thửa đất số 795 của vợ chồng anh H chị L, vợ chồng anh H chị L đã xây nhà kho lấn chiếm sang đất của anh Y tại thửa đất số 352 diện tích là 1,8 m^2 có vị trí kích thước các chiều "Phía tây bắc giáp đất thửa đất số 795 của gia đình anh H dài 9,67 mét, (tính từ góc phía đông của ngôi nhà ở phía trước của vợ chồng anh H chị L đuổi về hết đất đến góc phía đông của ngôi nhà kho của vợ chồng anh H chị L giáp với thửa đất số 793); Phía đông nam giáp phần đất còn lại của thửa 352 của gia đình anh Ý dài (2,77 mét + 0,24 mét + 5,07 mét + 1,70 mét) là hình rích rắc (tính từ góc phía đông của thửa đất số 795 của gia đình anh H chị L đuổi về phía trước); Phía tây nam giáp đất anh Y dài 0,18 mét, (tính từ góc phía đông của nhà ở phía trước nhà anh H chị L đuổi sang đến tường nhà ở của nhà anh Y)".

Anh Y, anh H, chị L, anh G, chị Đ, chị T, chị P và anh Y đại diện cho chị Q thống nhất thoả thuận: Vợ chồng anh H chị L phải tháo dỡ 1,8 m^2 của ngôi nhà kho (phía sau) là tài sản của vợ chồng anh H chị L xây dựng trên phần đất tranh chấp và trả lại cho anh Y diện tích 1,8 m^2 đất ở; thời hạn vợ chồng anh H chị L tháo dỡ 1,8 m^2 của ngôi nhà kho và trả lại cho anh Y 1,8 m^2 đất ở là ngày 30/10/2026; phần đất 1,8 m^2 có vị trí, kích thước các chiều như sau:

- Phía tây bắc giáp đất thửa đất số 795 của gia đình anh H dài 9,67 mét, (tính từ góc phía đông của ngôi nhà ở phía trước của anh H chị L đuổi về hết đất đến góc phía đông của ngôi nhà kho bên trong giáp với thửa đất số 793).

- Phía đông nam giáp phần đất còn lại của thửa 352 của gia đình anh Y dài (2,77 mét + 0,24 mét + 5,07 mét + 1,70 mét) là hình rích rắc (tính từ góc phía đông của thửa đất số 795 của gia đình anh H chị L đuổi về phía trước).

- Phía tây nam giáp đất anh Y dài 0,18 mét (tính từ góc phía đông của ngôi nhà ở phía trước nhà anh H chị L đuổi sang đến tường nhà của nhà anh Y.

(*Có sơ đồ kẻ vẽ kèm theo*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ và giá tài sản:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Y, anh H, chị L, anh G, chị Đ, chị T, chị P và anh Y đại diện cho chị Q thoả thuận; anh Đinh Như Y chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Y đã nộp là 1.056.000 đồng, anh Y được hoàn lại số tiền chênh lệch là 906.000 đồng (chín trăm linh sáu nghìn đồng).

- Về chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 12.800.000 đồng. Anh Y, anh H, chị L, anh G, chị Đ, chị T, chị P và anh Y đại diện cho chị Q thoả thuận, anh Đinh Như Y chịu toàn bộ chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 12.800.000 đồng; được trừ vào số tiền anh Y đã nộp là 8.000.000 đồng theo biên lai thu tiền ngày 24/02/2026 của Công ty cổ phần T1 và số tiền anh Y đã nộp là 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 16/10/2024 của Toà án nhân dân huyện Y (nay là Toà án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình), anh Y được hoàn lại số tiền chênh lệch là 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng), anh Y đã nhận đủ số tiền hoàn lại tại biên bản hoàn tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 29/01/2026 của Toà án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 4 - Ninh Bình;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Văn Lực

TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/QĐ-SCBSBA	***Ninh Bình**, ngày tháng năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung quyết định do nhầm lẫn về số liệu trong Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 12/2026/QĐST-DS ngày 04/5/2026 của Toà án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình đã quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa:

Nguyên đơn: Anh Đinh Như Y sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú thôn C, xã Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay căn 2338, toà HH1A, lô CC6, Hồ L, phường H, thành phố Hà Nội; số căn cước công dân 0370840069xx ngày cấp 01/9/2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Bị đơn:

- Anh Đỗ Mạnh H sinh năm 1972; địa chỉ thôn B, xã Y, tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân 0370720077xx ngày cấp 26/8/2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Chị Đinh Thị L sinh năm 1971; địa chỉ thôn B, xã Y, tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân 0371710108xx ngày cấp 10/5/2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Đỗ Trường G sinh năm 1997; địa chỉ thôn B, xã Y, tỉnh Ninh Bình; số căn cước 0370970076xx ngày cấp 15/10/2024 nơi cấp Bộ Công an.

- Chị Mai Thị Đ sinh năm 1999; địa chỉ thôn B, xã Y, tỉnh Ninh Bình; số căn cước 0371990077xx ngày cấp 19/11/2024 nơi cấp Bộ Công an.

- Chị Đỗ Thị Phương T sinh năm 2002; địa chỉ thôn B, xã Y, tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân 0373020019xx ngày cấp 16/8/2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Chị Đinh Thị P sinh năm 1992; địa chỉ thôn C, xã Y, tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân 0371920044xx ngày cấp 29/9/2022 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Chị Trần Thị Như Q sinh năm 1985; địa chỉ căn 2338, toà HH1A, lô CC6, Hồ L, phường H, thành phố Hà Nội; số căn cước công dân 0361850121xx ngày cấp 24/7/2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Người đại diện theo uỷ quyền của chị Q là anh Đinh Như Y sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú thôn C, xã Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay căn 2338, toà HH1A, lô CC6, Hồ L, phường H, thành phố Hà Nội (Giấy uỷ quyền ngày 31/01/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 12/2026/QĐST-DS ngày 04/5/2026 của Toà án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình như sau:

Tại dòng thứ 13 từ trên xuống, trang 03 của quyết định đã ghi: "đã nộp là 1.056.000 đồng".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: "đã nộp là 1.056.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phía Tòa án số 0001675 ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Khu vực 4
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Văn Lực